

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **201/2020/DS-ST**

Ngày: 10-8-2020

V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Phó

Ông Nguyễn Văn Y

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lữ Văn Thới - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm tranh chấp vụ án thụ lý số: 01/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXDS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1976; (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp TT, xã THĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974; (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 4, ấp TT, xã THĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

3. Người làm chứng:

3.1 Ông Mai Văn N, sinh năm 1948 (Có đơn xin vắng mặt)

3.2 Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1943 (Có đơn xin vắng mặt)

3.3 Chị Trần Thị Minh T1, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 4, ấp TT, xã THĐ, huyện CT, Tiền Giang.

3.4 Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1965 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TX, xã THĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn – anh Nguyễn Văn B trình bày:

Anh và anh T là anh em ruột, ngày 08/6/2019 anh T có vay của anh số tiền 130.000.000đồng, thỏa thuận trả lần 01 từ ngày 08/6/2019 đến 08/7/2019 sẽ trả

trước 50.000.000đồng, số tiền 80.000.000đồng còn lại sẽ trả sau khi anh T được tách thửa đất sẽ vay ngân hàng 80.000.000đồng để trả cho anh nhưng cho đến nay anh T vẫn chưa trả cho anh số tiền trên, việc này thể hiện trong giấy cam kết mượn tiền có sự chứng kiến của Phó trưởng ấp là anh Mai Văn N, mẹ anh là bà Huỳnh Thị H và người anh thứ ba là Nguyễn Văn A và vợ anh là Trần Thị Minh T1 theo Bản cam kết mượn tiền. Nhưng sau đó anh T không thực hiện trả số tiền này cho anh nên nay anh yêu cầu anh T số tiền 80.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần vào ngày 10/12/2020.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Do thấy hoàn cảnh của anh Nguyễn Văn B khó khăn nên anh có hứa cho Nguyễn Văn B 130.000.000đồng, sau đó anh có vay được 50.000.000đồng và đưa cho Nguyễn Văn B, số tiền 80.000.000đồng thì anh có hứa cho sau. Đối với biên bản cam kết mượn tiền là viết không đúng, anh chỉ đồng ý chỉ cho Nguyễn Văn B 130.000.000đồng, cho làm 02 đợt, lần 01 cho 50.000.000đồng, lần 02 cho 80.000.000đồng anh có hứa khi có tiền thì sẽ cho tiếp. Nay đối với yêu cầu của Nguyễn Văn B thì anh không đồng ý vì anh không có vay tiền của anh B. Anh chỉ đồng ý cho anh B số tiền số tiền 40.000.000đồng và sẽ cho trong thời hạn 05 năm.

* Người làm chứng anh Nguyễn Văn A trình bày: Anh không biết bản cam kết mượn tiền ngày 08/6/2019 giữa anh T và anh B mà chỉ nghe do anh B khó khăn về kinh tế nên anh T có hứa cho anh B 130.000.000đồng, anh T có đưa trước được 50.000.000đồng, còn 80.000.000đồng khi nào làm có tiền dư sẽ cho thêm, anh không có ký tên vào bản cam kết mượn tiền giữa anh B và anh T.

* Người làm chứng bà Huỳnh Thị H (mẹ của anh B và anh T) trình bày: anh T có hứa cho anh B 130.000.000đồng, anh T có đưa trước được 50.000.000đồng, còn 80.000.000đồng khi nào làm có tiền dư sẽ cho thêm, còn bản cam kết mượn tiền thì bà không có ký tên.

* Người làm chứng chị Trần Thị Minh T1 (vợ anh B) trình bày: anh B có cho anh T vay 130.000.000đồng, có thỏa thuận bằng bản cam kết mượn tiền có sự chứng kiến của bà Huỳnh Thị H, anh Nguyễn Văn A là mẹ và anh ruột của anh B, anh T và sự chứng kiến của phó ấp Mai Văn N. Anh T đã trả được 50.000.000đồng, còn 80.000.000đồng thì chưa trả.

* Người làm chứng ông Mai Văn N trình bày: Ông có nghe về việc tranh chấp giữa anh B và anh T, sau đó anh B và anh T có làm cam kết, ông không có chứng kiến trực tiếp việc lập biên bản cam kết mượn tiền nhưng anh T có đem bản cam kết đến cho ông xác nhận có việc cam kết này.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

- Về phần thủ tục, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn T, cư trú tại ấp Tân Thới, xã Tân Hòa Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang về việc trả tiền số tiền vay 80.000.000đồng. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

Những người làm chứng có đơn xin vắng mặt và đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên căn cứ Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo lời trình bày của nguyên đơn - anh B cho rằng anh có cho anh Nguyễn Văn T vay số tiền 130.000.000đồng, thỏa thuận trả 02 lần, cụ thể lần 01 từ ngày 08/6/2019 đến 08/7/2019 sẽ trả trước 50.000.000đồng, số tiền 80.000.000đồng còn lại sẽ trả sau khi anh T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ vay ngân hàng 80.000.000đồng để trả cho anh B. Anh T đã trả 50.000.000đồng, còn lại 80.000.000đồng anh T chưa trả dù đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên anh khởi kiện yêu cầu anh T trả số tiền 80.000.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn - anh T không đồng ý vì cho rằng anh chỉ hứa cho anh B 130.000.000đồng, đã cho được 50.000.000đồng, còn lại 80.000.000đồng do kinh tế khó khăn nên anh không cho tiếp chứ anh không vay tiền của anh B nên anh chỉ đồng ý cho anh B số tiền 40.000.000đồng trong thời hạn 05 năm.

[2.2] Căn cứ vào bản cam kết mượn tiền (bút lục 28) do anh B cung cấp thể hiện, anh B có cho anh T vay 130.000.000đồng, trong thời hạn từ 08/6/2019 đến 08/7/2019 anh T sẽ đưa trước cho anh B số tiền 50.000.000đồng, số tiền còn lại 80.000.000đồng khi nào anh T được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ trả cho anh B. Anh B và anh T đều xác nhận anh T đã đưa cho anh B 50.000.000đồng, số tiền 80.000.000đồng còn lại anh T chưa đưa cho anh B. Anh T cũng thừa nhận việc anh ký tên vào bản cam kết là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và sau khi lập bản cam kết thì chính anh T là người trực tiếp mang biên bản này đến gặp ông Mai Văn N là phó ấp Tân Thới để xác nhận nội dung và giao lại cho anh B. Trong thời gian này anh T có đủ điều kiện để xác minh lại nội dung biên bản nhưng anh không có ý kiến phản đối. Tiếp đó anh T có đưa cho anh B 50.000.000đồng là phù hợp với nội dung Bản cam kết mượn tiền. Ngoài ra, anh T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng anh cho rằng anh không đưa tiếp số tiền 80.000.000đồng còn lại là do hoàn cảnh khó khăn. Anh T cho rằng anh chỉ hứa cho anh B chứ không có vay tiền của anh B nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T không cung cấp được chứng cứ chứng minh là anh cho anh B, anh B cũng không thừa nhận việc này nên có cơ sở cho rằng anh T còn nợ anh B số

tiền vay 80.000.000đồng.

[2.3] Đối với những người làm chứng - bà Huỳnh Thị H, anh Nguyễn Văn A trình bày không trực tiếp chứng kiến việc các bên lập biên bản mượn tiền ngày 08/6/2019, chỉ nghe nói anh T có hứa cho anh B 130.000.000đồng, đã đưa được 50.000.000đồng; người làm chứng Trần Thị Minh T1 là vợ anh B nên xét thấy không đảm bảo sự vô tư, khách quan. Người làm chứng ông Mai Văn N khai mặc dù không trực tiếp chứng kiến việc các bên lập biên bản cam kết mượn tiền nhưng biên bản là do chính anh Nguyễn Văn T đưa cho ông để xác nhận nội dung biên bản phù hợp với lời trình bày của các đương sự nên có căn cứ thể hiện việc anh T ký tên vào biên bản cam kết mượn tiền là tự nguyện, không ai ép buộc.

[2.4] Trên cơ sở lời trình bày của đương sự, người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 463, khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự, xác định anh T có vay anh B 80.000.000đồng, anh B yêu cầu anh T trả 80.000.000đồng vào ngày 10/12/2020 và không yêu cầu trả lãi là có lợi cho anh T và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là: $80.000.000\text{đồng} \times 5\% = 4.000.000\text{đồng}$. Anh Nguyễn Văn B được hoàn toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Nguyễn Văn B

Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho anh Nguyễn Văn B số tiền nợ gốc là 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng, không xem xét tiền lãi.

Thời gian thực hiện việc trả tiền vào ngày 10/12/2020.

Kể từ ngày anh B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suA phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 4.000.000đồng đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho anh Nguyễn Văn B số tiền tạm ứng án phí 2.000.000đồng mà anh B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 01777 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Mai Thanh